**TOÁN - TIẾT 100**

**Bài 45: NHÂN VỚI 10; 100; 1000;…**

**CHIA CHO 10; 100; 1000;…**

**Thứ Ba, ngày 4 tháng 02 năm 2025**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:** Sau bài học, HS có khả năng:

- HS thực hiện được phép nhân một số tự nhiên với 10, 100, 1000, ...; chia một số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn cho 10, 100, 1000, ....

- Vận dụng vào tính nhẩm, đổi đơn vị đo độ dài và giải quyết vấn đề đơn giản.

- Năng lực chú trọng : Tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

GV: Hình ảnh cho phần Mở đầu: và Vui học (nếu cần).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tg** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 5p | I. Mở đầu:  a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.  b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Trò chơi. | |
|  | GV có thể cho HS chơi “Đố bạn”.  - GV nêu phép tính nhân với 10 (trong bảng).  - Ví dụ:  + GV nói: 3 nhân 10  → GV viết vào góc bảng lớp: 3 × 10 = 30  + GV cho HS thực hiện tiếp: 6 nhân 10 và 10 nhân 10  → GV trình chiếu (hoặc treo) hình ảnh phần Mở đầu: | - HS viết phép tính vào bảng con rồi giơ lên và đọc to (theo hiệu lệnh của GV)  + HS viết và đọc: 3 × 10 = 30  + 6 × 10 = 60  10 x 10 = 100  → HS quan sát và viết phép tính tìm số bút chì màu: 18 x 10 = ? |
| 25p | II. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức mới:  Nhân với 10; 100; 1000; ...  Chia cho 10; 100; 1000;…  a. Mục tiêu:  - HS thực hiện được phép nhân một số tự nhiên với 10, 100, 1000, ...; chia một số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn cho 10, 100, 1000, ...  b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Hoạt động cả lớp | |
|  | 1. Hoạt động 1: Nhân với 10 – Chia cho 10  - GV nêu vấn đề: 18 × 10 = ?  GV: Tìm kết quả phép nhân này bằng cách nào?  Chuyển về tổng.  Đếm trên ĐDHT.  …  - GV: Có cách nào thuận tiện hơn mà không cần chuyển về tổng, cũng không cần sử dụng ĐDHT không?  - GV giới thiệu cách tính.  GV vừa vấn đáp, vừa viết bảng lớp.  10 là mấy chục?  18 × 10 = 18 × ? chục  18 x 10 = ? chục  18 chục = ?  18 x 10 = 180  - GV yêu cầu HS quan sát các phép nhân  3 x 10 = 30  6 x 10 = 60  10 x 10 = 100  18 x 10 = 180  Thừa số thứ nhất và tích khác nhau ở điểm nào?  → GV dùng phấn màu tô vào chữ số 0 như trên  → Khi nhân một số tự nhiên với 10, ta làm sao cho nhanh?  GV: 18 x 10 = 180 vậy 180 : 10 = ?  GV viết kết quả: 180 : 10 = 18  Khi chia một số tròn chục cho 10, ta làm sao cho nhanh?  2. Nhân với 100 – Chia cho 100  - GV giới thiệu (vừa nói vừa viết lên bảng lớp):  18 x 100 = ?  18 x 100 = 18 × 1 trăm  = 18 trăm  = 1800  → GV viết tiếp lên bảng:  18 x 10 = 180 180: 10 = 18  18 x 100 = 1800  - GV: 18 × 100 = 1800. Vậy 1800 : 100 = ?  → GV viết tiếp lên bảng:  18 x 10 = 180 180: 10 = 18  18 x 100 = 1800 1800: 100 = 18  - GV vấn đáp để rút ra kết luận:  • Khi nhân một số tự nhiên với 100, ta viết thêm hai chữ số 0 vào bên phải số đó.  • Khi chia một số tròn trăm cho 100, ta bớt đi hai chữ số 0 ở bên phải số đó.  3. Nhân với 1 000 – Chia cho 1.000  - GV: Dựa vào cách nhân nhẩm với 10, 100; cách chia nhẩm cho 10, 100, viết kết quả các  phép tính:  18 × 1000 = ?  18000 : 1000 = ?  GV viết thêm lên bảng lớp:  18 x 10 = 180 180: 10 = 18  18 x 100 = 1800 1800: 100 = 18  18 x 1000 = 18000 18000: 1000 = 18  → Cách nhân nhẩm, chia nhẩm ( SGK):  + Khi nhân nhẩm một số tự nhiên với 10, 100, 1 000, ..., ta viết thêm một, hai, ba, ... chữ số 0 vào bên phải số đó.  + Khi chia nhẩm số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, ... cho 10, 100, 1 000, ..., ta bớt đi một, hai, ba, ... chữ số 0 ở bên phải số đó. | - HS thực hiện theo yêu cầu  HS nhóm bốn thảo luận  - HS trả lời theo yêu cầu của GV  HS trả lời  1 chục  1 chục  18 chục  180  - HS quan sát các phép nhân  + HS: Chữ số 0  + HS: Thêm một chữ số 0 vào bên phải số đó  + HS: bằng 18  +HS: Bớt đi một chữ số 0 ở bên phải số đó  - HS thực hiện. (Thay ..?. trong phần bài học bằng từ hay số thích hợp)  - HS: bằng 18  - HS thực hiện theo yêu cầu của GV  18 × 1000 = 18000  18000 : 1000 = 18  → HS quan sát các phép tính trên bảng lớp  → HS đọc lại |
|  | III. Thực hành, luyện tập:  a. Mục tiêu:  - Vận dụng vào tính nhẩm, đổi đơn vị đo độ dài và giải quyết vấn đề đơn giản.  - HS có cơ hội để phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học và các phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.  b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Hoạt động cả lớp | |
|  | *Thực hành*  Bài 1: Tính nhẩm  a) 113 × 10 810 : 10  b) 234 × 100 7000 : 100  c) 3570 × 1 000 650000 : 1000  - Yêu cầu HS thực hiện cá nhân  - Khi sửa bài, GV khuyến khích HS nói cách làm.  Ví dụ:  a) 113 x 10 = 1130  Nhân 113 với 10 nên thêm một chữ số 0 vào bên phải 113 thì được tích 1 130. | a) 113 × 10 = 1130  810 : 10 = 81  b) 234 × 100 = 23400  7000 : 100 = 70  c) 3570 × 1 000 = 3570000  650000 : 1000 = 650  - HS thực hiện cá nhân trên bảng con, chia sẻ nhóm ba.  - HS thực hiện theo yêu cầu của GV |
| 5p | IV. Vận dụng, trải nghiệm  a. Mục tiêu:  - Vận dụng vào đổi đơn vị đo độ dài và giải quyết vấn đề đơn giản.  - HS có cơ hội để phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học và các phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.  b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Hoạt động cả lớp | |
|  | *Luyện tập*  Bài 1: Số?  a) 17 m = .?. dm b) 136 m = .?. cm c) 8 m = .?. mm  30 dm = .?. m 52000 cm = .?. m 91 000 mm = .?. m  - GV yêu cầu HS làm bài theo nhóm 2 HS tìm hiểu bài, nhận biết:  Yêu cầu của bài  Tìm thế nào?  → Nhắc lại mối quan hệ giữa các đơn vị  → Sử dụng cách nhân chia nhẩm với 10, 100,… để chuyển đổi  - Sửa bài, GV cũng có thể cho HS chơi tiếp sức (hoặc truyền điện) để sửa bài (tạo điều kiện cho nhiều HS điền/nói), khuyến khích HS nói cách làm.  *Vui học*  Giúp bạn đi theo các phép tính có kết quả bé hơn 4 000 để đến sân bóng đá.  A yellow rectangular object with numbers and a white background  Description automatically generated with medium confidence  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi  - Sửa bài, các nhóm thi đua sửa tiếp sức.  Lưu ý: Khi đi đến ô 350 × 10 thì có hai cách đi tiếp để đến sân bóng đá, HS đi theo cách nào cũng đúng. | a) 17 m = 170. dm  30 dm = 3 m  b) 136 m = 13600 cm  52000 cm = 520 m  c) 8 m = 8000 mm  91 000 mm = 91 m  - HS thực hiện theo yêu cầu của GV  Yêu cầu của đề bài là Số?  Chuyển đổi đơn vị đo  Ví dụ:  • 136 m = ? cm  Nói: 1 m = 100 cm  136 m = 136 x 100 = 13 600 cm  Viết: 136 m = 13600 cm  • 91000 mm = ? m  Nói: 1000 mm = 1 m  91000 mm = 91000: 1000 = 91 m  Viết: 91000 mm = 91m  - HS ( nhóm đôi ) nhận biết yêu cầu của bài  Xác định việc cần làm:  + Tính nhẩm các phép tính  + Chọn phép tính có kết quả bé hơn 4.000.  + Xác định đường đi tới sân bóng đá. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.............................................................................................................................

...........................................................................................................................................